

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
Q. THỐT NỐT - TP. CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 27.6.2022

V/v: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỐT NỐT**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: ông Nguyễn Thanh Điền
- *Hội thẩm nhân dân*:
  1. bà Trần Thúy Kiên
  2. bà Thái Ánh Trinh
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thốt Nốt tham gia phiên tòa*: bà Phạm Ngọc Chi - Kiểm sát viên.
- *Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa*: bà Nguyễn Thị Nhàn - Cán bộ Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, tp. Cần Thơ.

Ngày 27 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 123/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Huỳnh Trung H** sinh năm 1990  
Trú tại: khu vực A, phường B, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.
  2. Bị đơn: Chị **Trần Thị Anh T** sinh năm 1990  
Trú tại: khu vực A, phường B, quận T, thành phố Cần Thơ.
  3. Người có quyền, lợi ích được bảo vệ - con chung:
    - 3.1. Cháu Huỳnh Thị Yến N sinh ngày 02.01.2011
    - 3.2. Cháu Huỳnh Trung M sinh ngày 03.11.2012(đang sống với anh H tại khu vực A, phường B; và do anh H là người giám hộ).
- (tất cả vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* *Tại đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 18.02.2022, nguyên đơn anh Huỳnh Trung H trình bày*: Do tự nguyện quen biết tìm hiểu và yêu thương nhau nên anh với chị Trần Thị Anh T được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 2010, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân phường B ngày 24.8.2011. Sau khi cưới, vợ chồng sống chung gia đình chồng tại khu vực A, phường B đến khi ly thân.

Do vợ chồng thường hay cãi vã, không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tin tưởng nhau, hoàn cảnh khó khăn nên chị T bỏ nhà đi làm thuê nên vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay.

Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Huỳnh Thị Yến N, sinh ngày 02.01.2011 và Huỳnh Trung M, sinh ngày 03.11.2012. Hiện con chung đang sống chung với anh H; Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Nay tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên anh H yêu cầu ly hôn đối với chị Trần Thị Anh T; yêu cầu được quyền nuôi 02 con đến trưởng thành, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

\* *Đối với bị đơn chị Trần Thị Anh T:* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, triệu tập hợp lệ đương sự để thực hiện việc tự khai, để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng đương sự đều vắng mặt không có lý do nên vụ án không tiến hành mở phiên họp đối với bị đơn được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Do đó, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không lý do.

*Ý kiến của Kiểm sát viên:*

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng là đúng trình tự thủ tục luật định.

- Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn anh Huỳnh Trung H đối với bị đơn chị Trần Thị Anh T; *Về con chung:* ổn định cho anh H được quyền nuôi 02 con chung đến trưởng thành, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con; *Về tài sản chung, nợ chung:* Ghi nhận ý kiến của đương sự về việc trình bày không có tài sản chung, nợ chung, sau này nếu có phát sinh tranh chấp thì giải quyết bằng vụ kiện khác.

- Về án phí sơ thẩm: Anh H phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật:* Anh Huỳnh Trung H với chị Trần Thị Anh T được gia đình hai bên tác hợp và tự nguyện tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND phường B, quận T nên hôn nhân của anh chị được xem là hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn nên anh H có đơn khởi kiện. Xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn anh Huỳnh Trung H có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn chị Trần Thị Anh T đã được Tòa án tổng đạt công khai các văn bản tố tụng để triệu tập tham gia phiên tòa nhưng chị T vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử có căn cứ tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 1, 3 điều 228, điểm b khoản 2 điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] *Xét về quan hệ hôn nhân*: Anh H, chị T chung sống từ năm 2010, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Theo anh H thì do tính tình vợ chồng không hòa hợp, hay cãi vã, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên chị T bỏ nhà đi làm thuê nên từ năm 2021 anh chị sống ly thân từ đó đến nay.

Quá trình giải quyết vụ kiện, anh H kiên quyết ly hôn; chị T đã được triệu tập hợp lệ để tham gia giải quyết vụ án nhưng vẫn vắng mặt không lý do, không thể hiện mong muốn hàn gắn lại quan hệ vợ chồng; Mặt khác, từ khi ly thân đến nay vợ chồng đã bỏ mặc mà không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Điều này cho thấy, tình trạng vợ chồng giữa anh H với chị T đã thật sự rạn nứt, thực tế hôn nhân đã chấm dứt, đời sống chung không thể tồn tại kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là phù hợp, có căn cứ pháp luật.

[4] *Về con chung*: Anh H khai vợ chồng có 02 con chung tên Huỳnh Thị Yến N, sinh ngày 02.01.2011 và Huỳnh Trung M, sinh ngày 03.11.2012 - đang sống với anh H. Ngoài ra vợ chồng không có con nuôi hay con riêng nào khác. Điều này phù hợp với Giấy khai sinh của cháu N và cháu M nên có căn cứ xác định các cháu là con chung của anh H và chị T là sự thật.

Theo đó, anh H yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi các con chung đến trưởng thành, bởi suốt thời gian qua và hiện nay cháu N và cháu M vẫn liên tục sống cùng cha, được sự chăm sóc từ anh H và gia đình bên nội nên được Hội đồng xét xử chấp nhận là phù hợp theo quy định tại khoản 2 điều 81 Luật hôn nhân và gia đình 2014. Hơn nữa điều này không làm thay đổi môi trường sống và sự phát triển bình thường của con chung.

Về vấn đề cấp dưỡng: Do anh H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét giải quyết. Về quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung là thiêng liêng nên người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung; không ai được quyền cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền này. Ngoài ra, khi người trực tiếp nuôi con không đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung thì người không trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung*: Ghi nhận ý kiến của đương sự (anh H) về việc trình bày không có nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] *Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Nguyên đơn anh Huỳnh Trung H phải chịu theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH

### Căn cứ vào:

- Khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điều 147, điều 220 và điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
- Điều 8, khoản 1 điều 9, điều 51, điều 53, điều 56, điều 81, điều 84 và điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.
- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

### Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Huỳnh Trung H đối với bị đơn chị Trần Thị Anh T.

1. *Về hôn nhân*: Anh Huỳnh Trung H được ly hôn với chị Trần Thị Anh T.
2. *Về con chung*: Anh Huỳnh Trung H được quyền nuôi con chung tên Huỳnh Thị Yến N, sinh ngày 02.01.2011 và Huỳnh Trung M, sinh ngày 03.11.2012 đến trưởng thành. Chị Trần Thị Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.  
  
Chị T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; không ai được quyền cản trở chị T thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.
3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Ghi nhận ý kiến của đương sự (nguyên đơn) về việc trình bày không có tài sản chung, nợ chung. Trường hợp sau này phát sinh tranh chấp tài sản chung và nợ chung thì được giải quyết thành vụ kiện khác.
4. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Anh Huỳnh Trung H phải nộp 300.000 đồng. Chuyển tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh H đã nộp theo phiếu thu số: 0004384 ngày 12.4.2022 được chuyển thành án phí. Anh H đã nộp xong.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án niêm yết bản án tại địa phương, các đương sự được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tp. Cần Thơ giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

### Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ.
- VKSND quận Thốt Nốt.
- THA quận Thốt Nốt.
- UBND phường Trung Kiên (nơi đkkh).
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Điền